

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C1 THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/DS-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C1 THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Ngân;
Ông Đào Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C1 Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C1 Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Anh Dương Lê T, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022) (có đơn vắng mặt).

- Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị

Nguyễn Thị Mỹ H là anh Trần Hoàng N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và chị Phạm Thị C có quen biết nhau thông qua chị gái của chị C là chị Phạm Thị T. Chị C đã có vài lần vay mượn tiền của chị H bắt đầu từ tháng 5/2020.

Trong khoảng tháng 7/2021, chị C có hỏi vay tiền của chị H, nhưng do chị H không có tiền nên lấy số tiền 80.000.000 đồng của em trai tên Nguyễn Hoàng Thiện C1, sinh năm 1986; trú tại: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho chị C vay dùm, có làm giấy tay rời. Đến ngày 27/12/2021, chị H đến nhà chị C để yêu cầu chị C trả số tiền 80.000.000 đồng của anh C1 và số tiền 75.000.000 đồng của chị H, nhưng chị C chỉ chuyển trả phần tiền của anh C1 vào tài khoản riêng của anh C1 là Viettin-Chau12345. Giấy nợ phần 80.000.000 đồng của anh C1, do chị C đã trả nên chị H đã bỏ, nên không cung cấp được cho Tòa án.

Số tiền 75.000.000 đồng chị H khởi kiện chị C trong vụ án là số tiền chị H cho chị C vay vào ngày 30/11/2021. Khi vay chị C có viết giấy nợ chị H số tiền 75.000.000 đồng, nhưng không thể hiện lãi suất và thời hạn trả. Chị C hứa sẽ trả lại số tiền này cho chị H trong thời gian sớm nhất. Sau đó chị H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu chị C trả lại số tiền trên, nhưng chị C hứa hẹn lần này đến lần khác, nhưng vẫn chưa trả được số tiền vay gốc và lãi nào.

Nay chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả lại cho chị H số tiền vay gốc 75.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức 10%/năm, kể từ ngày 16/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – chị Phạm Thị C trình bày:

Chị biết chị Nguyễn Thị Mỹ H từ khoảng đầu năm 2020 do chị H và chị gái của chị tên Phạm Thị T là bạn bè. Ngoài lần nhận số tiền 75.000.000 đồng của ngày 30/11/2021 thì trước đó chị có nhận tiền từ chị H thay chị T khoảng vài lần, do lâu quá chị không nhớ cụ thể bao nhiêu lần. Tất cả các lần chị nhận tiền của chị H thay chị T thì chị đều viết giấy nợ và ký tên vào sổ do chị H cung cấp. Chị không giữ giấy tờ vay nào. Các lần vay trước mà chị nhận thay thì chị T nói đã trả cho chị H. Khi trả tiền thì chị H sẽ gạch bỏ trong sổ của chị H là đã trả rồi.

Giữa chị T và chị H thỏa Tận vay cụ thể như thế nào thì chị không biết, nhưng do chị T bận nên nhờ chị đi gặp chị H để nhận tiền dùm. Nội dung giấy mượn tiền chị ghi chỉ thể hiện về ngày tháng năm chị nhận tiền và số tiền vay, chứ không ghi cụ thể là chị nhận dùm chị T hay chị là người vay tiền.

Sau khi nhận tiền thay chị T thì chị T là người trả cho chị H các lần của các khoản vay trước ngày 30/11/2021 mà chị đã nhận thay. Riêng khoản vay của ngày 30/11/2021 thì chị là người trực tiếp trả cho chị H thay chị T qua số tài khoản của người thân chị H do chị H cung cấp cho chị.

Ngày 27/12/2021 chị H đến nhà mẹ ruột của chị tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh để thăm chị T. Tại đây chị H yêu cầu chị T trả số tiền 75.000.000 đồng mà chị đã ký nhận vay dùm chị T. Do chị T mới xuất viện về, sức khỏe

còn yếu và không nhớ gì nhiều, nên chị mới nói chuyện và thỏa Tận với chị H chị sẽ trả thay cho chị T, nhưng chị chỉ còn tiền trong tài khoản, nên không trả tiền trực tiếp cho chị H được, mà yêu cầu chị H cung cấp số tài khoản để chị chuyển trả. Chị H nói với chị là số tiền 75.000.000 đồng là tiền chị H mượn của người anh hay em của chị H do lâu quá chị không nhớ, và chị H cung cấp cho chị số tài khoản, chị chuyển số tiền 80.000.000 đồng, bao gồm: 75.000.000 đồng tiền vay gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản mà chị H đã cung cấp.

Chị xác định các chứng cứ là giấy mượn tiền do chị H cung cấp cho Tòa án vào ngày 28/7/2022 là chữ ký và chữ viết họ tên là của chị. Nhưng chị chỉ nhận tiền từ chị T, chị không có vay tiền người thân của chị H và chị H lần nào. Số tài khoản chị H cung cấp cho chị, hiện tại chị không lưu lại trên điện thoại nên không nhớ. Chỉ còn thông tin trong sao kê chứng từ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh C1 Thành là Viettinbank-Chau12345 và không nhớ tên của người nhận chuyển khoản.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 75.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức 10%/năm, kể từ ngày khởi kiện 15/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm thì chị không đồng ý. Vì số tiền này là tiền của chị T vay của chị H và chị đã chuyển trả cho chị H qua tài khoản của người thân chị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H. Buộc chị Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay gốc 75.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức 10%/năm kể từ ngày 16/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1 Thành, tỉnh

Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Hoàng N tham gia phiên tòa. Anh Dương Lê T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Tài.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H thì thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị C thừa nhận: Chứng cứ là “Giấy nợ” đề ngày 30/11/2021 do nguyên đơn cung cấp là do chị viết và ký tên. Tuy nhiên, chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị H. Vì chị cho rằng, số tiền vay 75.000.000 đồng là tiền chị Phạm Thị T là chị gái của chị vay của chị H, chị chỉ nhận thay tiền từ chị H cho chị T và chị cũng đã trả số tiền vay trên thay chị T cho chị H, thông qua số tài khoản của người thân chị H, do chị H cung cấp cho chị vào ngày 27/12/2021.

[2] Xét giấy nợ (bút lục 29) do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Người vay (mượn) tiền là chị C, không thể hiện nội dung chị C vay tiền của chị H dùm chị T như lời trình bày của chị C.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H và người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh Trần Hoàng N thừa nhận: Ngày 27/12/2021 chị C có chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Hoàng Thiện C1 là em trai của chị H số tiền 80.000.000 đồng. Nhưng số tiền này là khoản vay khác, không phải là khoản vay của số tiền 75.000.000 đồng mà chị H khởi kiện.

[4] Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (bút lục 42), anh Nguyễn Hoàng Thiện C1 trình bày: “ Số tiền 80.000.000 đồng chị C chuyển khoản cho anh vào ngày 27/12/2021 là tiền anh đưa cho chị H để cho chị C vay. Thời điểm này anh đang kinh doanh mua bán đậu nành ... có tiền dư, nên khi chị H hỏi có tiền không để đưa cho chị cho chị C vay lấy tiền lãi. Khoảng tháng 7/2021 anh đưa cho chị H số tiền 80.000.000 đồng để cho chị C vay. Khi vay chị H có viết giấy và chị C ký tên, sau đó chị H giao cho anh giữ giấy vay... Sau khi chị C chuyển trả tiền cho anh thì anh đã hủy bỏ giấy vay, nên không còn chứng cứ là giấy vay tiền để giao nộp cho Tòa án... số tài khoản của anh là: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Châu12345, số tài khoản 106874692305.”

[5] Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (bút lục 33), chị Phạm Thị T trình bày: “Chị là chị gái ... của chị Phạm Thị C, số tiền 75.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu chị C trả là tiền chị mượn của chị H và nhờ chị C lấy dùm chị. Giữa chị H với chị C không biết nhau. Lý do chị không đi lấy tiền là do ngày hôm đó mẹ và con gái của chị bệnh nên chị về nhà và nhờ chị C đi đến nhà chị H lấy tiền dùm. Ngày hôm sau thì chị bị bệnh phải nhập viện. Sau đó chị C dùng tiền của mình để trả tiền cho chị H thay chị...”.

[6] Tại phiên tòa, chị C trình bày: Chị biết chị H thông qua chị T từ năm

2021. Tất cả các giấy mượn tiền do chị H cung cấp thì chị thừa nhận là do chị ký và ghi họ tên.

[7] Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2022 (bút lục 44) chị Phạm Thị C khai: *“Chị biết chị Nguyễn Thị Mỹ H từ khoảng đầu năm 2020 do chị H và chị gái của chị tên Phạm Thị T là bạn bè. Ngoài lần nhận số tiền 75.000.000 đồng của ngày 30/11/2021 thì trước đó chị có nhận tiền từ chị H thay chị T khoản vài lần, do lâu quá chị không nhớ cụ thể bao nhiêu lần. Tất cả các lần chị nhận tiền của chị H thay chị T thì chị đều viết giấy nợ và ký tên vào sổ do chị H cung cấp. Chị không giữ giấy tờ vay nào.... Khi trả tiền thì chị H sẽ gạch bỏ trong sổ của chị H là đã trả rồi. ...”*.

[8] Xét các giấy mượn tiền (bút lục từ 38-40) thì thấy rằng: Chị C thừa nhận do chị viết và ký tên, giấy thể hiện người vay là chị C, không có giấy nợ nào thể hiện người vay là chị T như chị C trình bày. Và tất cả các giấy nợ này chị H đã gạch bỏ. Do đó, có cơ sở kết luận chị C bắt đầu giao dịch vay tiền của chị H từ năm 2020. Số tiền 75.000.000 vay ngày 30/11/2021, là tiền chị C vay của chị H như lời trình bày của chị H và người đại diện theo ủy quyền của chị H. Và hợp đồng vay số tiền trên giữa hai bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi suất.

[9] Xét yêu cầu về lãi suất: Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại ..., Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo;”* nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 16/3/2022 với mức 10%/năm là có căn cứ.

[10] Do đó, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ được tính như sau: Từ ngày 16/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/9/2022) là 06 tháng 04 ngày = 75.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 04 ngày = 3.832.000 đồng.

[11] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 78.832.000 đồng, bao gồm: 75.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.832.000 đồng tiền lãi.

[12] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 2, 5, 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với chị Phạm Thị C về hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 78.832.000 (bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng, bao gồm: 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng tiền vay gốc và 3.832.000 (ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị C phải chịu 3.941.600 (ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai T số 0017242 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1 Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C1 Thành;
- Chi cục THA.DS huyện C1 Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng

